TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **141**/2019/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 13 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Trọng T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Trọng T và chị Nguyễn Thị T3.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Trọng T và chị Nguyễn Thị T3.

- Về con: Anh T và chị T3 có 03 con chung là Vũ Như Q, sinh ngày 28/6/2005, Vũ Thị Minh G, sinh ngày 07/10/2009 và Vũ Trọng D, sinh ngày

20/4/2014. Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trọng D, chị T3 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Như Q và Vũ Thị Minh G. Anh T cấp dưỡng cho cháu Vũ Như Q là 1.500.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ 11/2019 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh T, chị T3 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị T3 không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí:

+ Anh Vũ Trọng T nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001955 ngày 28/5/2019, trả lại cho anh T 2.750.000đ tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản theo biên lai thu số AA/2017/0001956 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

+ Trả lại cho chị T3: 13.796.000đ tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản theo biên lai thu số AA/2017/0002047 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Lưu: HS, VT, Ha (11).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình